

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 10 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019 và ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị D - sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh T - sinh năm: 1990 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: khóm M, Phường H, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh T quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 05 tháng thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2017 tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ ở riêng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, anh T nhậ nhệ, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều lần chị D khuyên anh T sửa đổi lo làm ăn nhưng anh T không thay đổi. Cuối tháng 8/2018 chị D đi Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, không còn liên lạc với anh T, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay.

Nay, chị D xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị D không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T. Chị D yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định là không có, chị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh T không đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng có văn bản ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị D về thời gian quen biết, tìm hiểu, chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn.

Anh T thừa nhận là trong quá trình chung sống từ khi đám cưới đến nay, vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T muốn làm chuyện lớn, nhỏ gì trong gia đình cũng đều phải có sự đồng ý của chị D; vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Khoảng cuối tháng 8/2018 đến nay, anh T và chị D không còn sống chung với nhau nữa.

Nay anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Anh T đồng ý ly hôn chị D.

- Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định là không có, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh T.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị D và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2017 tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp nhau. Chị D cho rằng anh T thường hay nhậu nhẹt, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều lần chị D khuyên anh T sửa đổi lo làm ăn nhưng anh T không thay đổi; chị D yêu cầu được ly hôn anh T. Về phía anh T cũng thừa nhận là trong quá trình chung sống từ khi đám cưới đến nay, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay nên anh T đồng ý ly hôn chị D.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu chị D và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị D xác định là không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị D không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T, chị D cương quyết xin được ly hôn anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị D cũng không về sống chung với anh T. Về phía anh T cũng thừa nhận và xác định

là cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, anh T đồng ý ly hôn chị D. Do đó, xét thấy việc chị D và anh T thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

- Về nuôi con chung: Không có.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Do chị D và anh T cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận chị D và anh T thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị D nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị D đã nộp ngày 05/12/2018 theo biên lai thu số 0003494 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Định Thành, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh